

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 – 2025; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày tháng năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ tư đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 – 2025 (Có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

**DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH CÀ MAU
GIAI ĐOẠN 2022 – 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Các lĩnh vực đầu tư, cho vay
I	Giáo dục
	Đầu tư xây dựng trường học; trung tâm đào tạo, dạy nghề (<i>bao gồm xây dựng mới, nâng cấp mở rộng</i>); đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác giảng dạy.
II	Y tế
	Đầu tư dự án xây dựng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh (<i>bao gồm xây dựng mới, nâng cấp mở rộng</i>); đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh, phương tiện vận chuyển bệnh nhân.
III	Công nghiệp
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế.
3	Đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn (<i>cọc bê tông ly tâm dự ứng lực, cọc bê tông cốt thép, dầm dự ứng lực, cống bê tông cốt thép ly tâm, cột điện</i>), sản xuất gạch via hè.
4	Đầu tư di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề.
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp
1	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình ứng phó biến đổi khí hậu.
2	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.
3	Dự án sản xuất giống cây lâm nghiệp chất lượng cao.
4	Đầu tư xây dựng dự án bảo quản nông sản, thủy sản sau thu hoạch.
5	Đầu tư dự án sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.
6	Đầu tư dự án cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm.

V	Năng lượng - Môi trường
1	Đầu tư phát triển, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện.
2	Đầu tư phát triển điện năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các dạng năng lượng tái tạo.
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước.
4	Đầu tư hệ thống xử lý nước thải, rác thải.
5	Đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện thu gom xử lý rác thải.
6	Đầu tư xây dựng cơ sở hoả táng, điện táng.
7	Đầu tư di chuyển, sắp xếp, hiện đại hoá các khu nghĩa trang.
VI	Nhà ở
1	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, nhà ở thu nhập thấp, ký túc xá cho sinh viên, nhà dưỡng lão theo quy hoạch.
2	Đầu tư xây dựng và chỉnh trang hoàn chỉnh các khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.
VII	Văn hoá – Du lịch
1	Đầu tư các dự án khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu, điểm du lịch sinh thái.
VIII	Giao thông
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông (bao gồm: Xây dựng mới, duy tu, sửa chữa, nâng cấp).
2	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.
3	Xây dựng trung tâm sát hạch lái xe, trung tâm đăng kiểm.
IX	Các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và cách lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
	- Đầu tư xây dựng siêu thị, chợ, trung tâm thương mại – dịch vụ (bao gồm xây dựng mới, nâng cấp mở rộng).
	- Đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản, lưu trữ, trung chuyển hàng hoá tập trung, quy mô xây dựng từ 1.000 m ² sàn trở lên.

Số: 101/BC-QĐTPT

Cà Mau, ngày 14 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc rà soát, tiếp thu và giải trình nội dung góp ý
của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 7317/UBND-KT ngày 13/11/2021 về việc rà soát, tiếp thu và giải trình nội dung góp ý của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển báo cáo như sau:

I. Các ý kiến đóng góp:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết về Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025:

1.1. Ý kiến của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Điều chỉnh tên Danh mục: “*Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển giai đoạn 2022 – 2025*”, do thời gian thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh là vào cuối năm 2021, vì vậy việc điều chỉnh như vậy sẽ phù hợp với thời gian triển khai thực hiện.

1.2. Ý kiến của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

Đề nghị bổ sung phần căn cứ cho chặt chẽ: Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

1.3. Ý kiến của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp:

- Về Danh mục: Đề nghị bổ sung cụm từ “*Kèm theo Nghị quyết số:/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau*” dưới tên gọi của Danh mục cho chặt chẽ, đồng thời bổ sung đường kẻ ngang dưới tên gọi của Danh mục.

- Về Nghị quyết: Tại Điều 1: Cần nhắc bỏ cụm từ “*ban hành kèm theo Nghị quyết này*”, vì đã “*có danh mục chi tiết kèm theo*”.

1.4. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh còn lại không có ý kiến, xem như thống nhất với dự thảo Nghị quyết về Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025:

2. Đối với dự thảo Nghị quyết về thay đổi mức vốn và thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển:

2.1. Ý kiến của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông:

Tại điểm a, khoản 6, Mục I dự thảo Phương án thay đổi mức vốn và cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển: Đề nghị bổ sung đơn vị tính là phần trăm (%) trong bảng số liệu ở chỉ tiêu “ Tỷ suất chênh lệch, thu chi trước thuế/Vốn điều lệ” và “ Tỷ suất chênh lệch, thu chi trước thuế/Vốn chủ sở hữu”.

2.2. Ý kiến của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp:

- Về Nghị quyết

+ Tại “*Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương*”. Cần lưu ý Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2021 và áp dụng cho năm tài chính 2021. Do đó, Nghị quyết được ban hành phải có hiệu lực sau hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của Thông tư này.

+ Tại Điều 2, bổ sung cụm từ “ số/PA-UBND ngày thángnăm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về” sau cụm từ “*Thông qua phương án*” hoặc bổ sung cụm từ “*(có Phương án kèm theo)*” cho chặt chẽ.

2.3. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh còn lại không có ý kiến, xem như thống nhất với dự thảo Nghị quyết về thay đổi mức vốn và thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển

II. Tiếp thu các ý kiến đóng góp:

Các ý kiến đóng góp của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh nêu trên là hợp lý, Quỹ Đầu tư phát triển tiếp thu, điều chỉnh, hoàn thiện báo cáo và dự thảo Phương án, Nghị quyết. Quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo về việc rà soát, tiếp thu và giải trình nội dung góp ý của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (phối hợp);
- Trưởng BKS Quỹ (để biết);
- Giám đốc Quỹ (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Quỹ (để biết);
- Lưu: P.HC-NS, P.TD-UT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Cảnh

Số: 100 /BC-QĐTPT

Cà Mau, ngày 14 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 – 2021 và đề xuất Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 - 2025

Trên cơ sở triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 – 2021, Quỹ Đầu tư phát triển xin báo cáo kết quả thực hiện Danh mục đầu tư, cho vay giai đoạn 2019 – 2021 và đề xuất Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau (Quỹ) giai đoạn 2022 – 2025 như sau:

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ giai đoạn 2019 - 2021

- Năm 2019: Nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ là 213,813 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ là 176,107 tỷ đồng.

- Năm 2020: Nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ là 250,462 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.

- Đến 30/6/2021: Nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ là 257,665 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện

a) Lĩnh vực đầu tư

- Đầu tư trực tiếp: Giai đoạn 2019 - 2021, Quỹ không phát sinh thực hiện nhiệm vụ đầu tư trực tiếp, do Quỹ chưa được giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Đất đai năm 2013.

- Đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp: Quỹ Đầu tư phát triển tiếp tục quản lý nguồn vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau với giá trị vốn góp là 56,970 tỷ/58,595 tỷ đồng, chiếm 97,28% vốn điều lệ của Công ty và chiếm 22,11% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm ngày 30/6/2021 (kèm theo Phụ lục 1).

b) Lĩnh vực cho vay

Giai đoạn 2019 - 2021, Quỹ thực hiện cho vay 21 dự án, với tổng mức đầu tư là 809,555 tỷ đồng, tổng hạn mức cho vay là 161,200 tỷ đồng, giải ngân cho vay 161,160 tỷ đồng, cụ thể:

- Lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường: Quỹ thực hiện cho vay 15 dự án, trong đó: 01 dự án thuộc lĩnh vực giao thông (*Dự án đầu tư xây dựng cầu Vàm Đĩnh, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân*) và 14 dự án thuộc lĩnh vực năng lượng (*các dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái*), với tổng mức đầu tư là 203,841 tỷ đồng, tổng hạn mức cho vay là 98,800 tỷ đồng, giải ngân cho vay là 98,760 tỷ đồng.

- Lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội: Quỹ thực hiện cho vay 5 dự án, trong đó: Lĩnh vực chợ 03 dự án (*Chợ Lớn, thị trấn Sông Đốc; chợ Trí Phải; chợ Bách hóa Cà Mau*), lĩnh vực khu dân cư là 02 dự án (*Khu dân cư Đông Bắc và Khu dân cư Thạnh Phú*), với tổng mức đầu tư là 592,760 tỷ đồng, tổng hạn mức cho vay là 55,4 tỷ đồng, giải ngân cho vay 55,4 tỷ đồng.

- Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp: Quỹ thực hiện cho vay 01 dự án là Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế biến gỗ Đạ Tài, với tổng mức đầu tư là 12,954 tỷ đồng, tổng hạn mức cho vay là 7 tỷ đồng, giải ngân cho vay 7 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục 1)

3. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn theo Danh mục đầu tư giai đoạn 2019 – 2021 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Hiệu quả tài chính

- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Quỹ là 13,092 tỷ đồng, đóng góp cho ngân sách nhà nước (nộp thuế TNDN) 139 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Quỹ là 13,775 tỷ đồng, đóng góp cho ngân sách nhà nước (nộp thuế TNDN) 189 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế đến 30/6/2021 của Quỹ là 7,675 tỷ đồng, đóng góp cho ngân sách nhà nước (nộp thuế TNDN) 15 triệu đồng.

b) Hiệu quả kinh tế - xã hội

- Đối với lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường: Dự án đầu tư xây dựng cầu Vàm Đĩnh, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân (tổng mức đầu tư 14,858 tỷ đồng, Quỹ cho vay 7 tỷ đồng, chiếm 47,1% tổng mức đầu tư): Giúp người dân trong, ngoài tỉnh giao thương thuận lợi, góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông của tỉnh nhà; các dự án đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái (tổng mức đầu tư 188,983 tỷ đồng, Quỹ cho vay 91,8 tỷ đồng, chiếm 48,58% tổng mức đầu tư): Tạo ra nguồn năng lượng sạch, góp phần bảo vệ môi trường và được Thủ tướng Chính phủ khuyến khích phát triển tại Việt Nam theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020.

- Đối với lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội: Dự án Khu dân cư Đông Bắc, Quảng trường Văn hóa trung tâm (Khu C), Phường 1 và Phường 9, thành phố Cà Mau (tổng mức đầu tư 588,362 tỷ đồng, Quỹ cho vay 36 tỷ đồng, chiếm 6,12% tổng mức đầu tư) và Dự án Khu dân cư Thạnh Phú, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành

phố Cà Mau (tổng mức đầu tư 265,931 tỷ đồng, Quỹ cho vay 10 tỷ đồng, chiếm 3,76% tổng mức đầu tư): Sau khi được đầu tư xây dựng hoàn thành sẽ góp phần hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, đáp ứng nhu cầu về đất ở cho người dân; Dự án đầu tư xây dựng Chợ Lớn, thị trấn Sông Đốc và Dự án đầu tư xây dựng nhà lồng chợ Trí Phải và Dự án đầu tư xây dựng nhà lồng Chợ Bách Hóa Cà Mau (tổng mức đầu tư 47,590 tỷ đồng, Quỹ cho vay 33,4 tỷ đồng, chiếm 70,18% tổng mức đầu tư): Được thực hiện nhằm thay thế chợ cũ đã xuống cấp, góp phần chỉnh trang đô thị, thúc đẩy hoạt động giao thương, buôn bán, quảng bá sản phẩm của người dân địa phương.

- Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ Đạt Tài (mở rộng) (tổng mức đầu tư 12,954 tỷ đồng, Quỹ cho vay 7 tỷ đồng, chiếm 54% tổng mức đầu tư): Góp phần phát triển ngành sản xuất lâm nghiệp và tiêu thụ nguyên liệu gỗ địa phương (cây keo lai) trên địa bàn tỉnh.

c) Tỷ trọng sử dụng nguồn vốn

Tỷ lệ sử dụng nguồn vốn: Cho vay và góp vốn giai đoạn 2019 - 2021, đạt tỷ trọng bình quân 98,77%/vốn điều lệ và đạt 78,59% vốn chủ sở hữu của Quỹ (kèm theo Phụ lục 2). Tổng dư nợ cho vay đến thời điểm báo cáo là 171,598 tỷ đồng, tất cả các khoản cho vay đều là nợ nhóm 1 (không có nợ xấu).

4. Đánh giá kết quả thực hiện Danh mục

a) Thuận lợi

Việc thực hiện đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp và cho vay theo Danh mục đầu tư giai đoạn 2019 - 2021, là phù hợp với quy mô hoạt động của Quỹ, hiệu quả sử dụng nguồn vốn đạt tỷ trọng cao, tạo lợi nhuận trong hoạt động cho vay, đầu tư, nộp ngân sách nhà nước; cơ bản đáp ứng nguồn vốn cho các nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc Danh mục, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau.

b) Khó khăn

- Danh mục đầu tư giai đoạn 2019 - 2021 do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, phải tuân thủ theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, theo Danh mục chủ yếu tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nên một số lĩnh vực đầu tư dự án khác không thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thì không thuộc đối tượng đầu tư, cho vay của Quỹ, làm hạn chế các nhà đầu tư tiếp cận nguồn vốn của Quỹ.

- Do nguồn vốn của Quỹ còn hạn chế nên chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của một số đơn vị thực hiện đầu tư các dự án có tổng mức đầu tư lớn, nhu cầu vốn vay lớn.

5. Đề xuất danh mục đầu tư, cho vay giai đoạn 2022 - 2025

- Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc chấp thuận Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 - 2021, đến nay đã sắp hết thời gian thực hiện.

- Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau; căn cứ vào nguồn vốn, quy mô hoạt động của Quỹ và những thuận lợi, khó khăn nêu trên, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã xây dựng dự thảo Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay giai đoạn 2022 - 2025.

Trên cơ sở đó, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 - 2025, gồm 9 Mục: Giáo dục, Y tế, Công nghiệp, Nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, Năng lượng - Môi trường, Nhà ở, Văn hoá - Du lịch, Giao thông, Các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(Có Danh mục kèm theo)

- Điểm mới của Danh mục đầu tư, cho vay giai đoạn 2022 - 2025:

+ Các danh mục đầu tư, cho vay giai đoạn 2022 - 2025 không tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội.

+ Đã mở rộng lĩnh vực đầu tư, cho vay theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh.

+ Bổ sung một số dự án thuộc lĩnh vực y tế, nông nghiệp, thương mại, lâm nghiệp nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh giai đoạn 2019 - 2021 và đề xuất Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- CT, PCT và TV HĐQT Quỹ;
- VP UBND tỉnh (phối hợp);
- Trưởng BKS Quỹ (để biết);
- Giám đốc Quỹ (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Quỹ (để biết);
- Lưu: P.HC-NS, P.TD-UT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Cảnh

PHỤ LỤC 1

**Kết quả thực hiện Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
 ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019-2021**

(Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

(Kèm theo Báo cáo số 100/BC-QĐTPT ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Quỹ Đầu tư phát triển)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Dư nợ đầu năm	Hạn mức cho vay	Giải ngân cho vay	Thu nợ gốc	Dư nợ cuối năm	Ghi chú
I	Năm 2019	4	119,139	150,506	30,000	30,000	60,540	119,966	
1	Góp vốn thành lập doanh nghiệp	-	58,595	57,000	-	-	-	57,000	
	<i>Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau</i>	-	58,595	57,000	-	-	-	57,000	
2	Cho vay	4	60,544	93,506	30,000	30,000	60,540	62,966	
<i>a</i>	<i>Lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường</i>	-	-	51,506	-	-	42,418	9,088	
<i>b</i>	<i>Lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội</i>	3	47,590	42,000	23,000	23,000	18,122	46,878	
<i>c</i>	<i>Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp</i>	1	12,954	-	7,000	7,000	-	7,000	
II	Năm 2020	17	749,011	119,966	131,200	119,660	11,773	227,853	
1	Góp vốn thành lập doanh nghiệp	-	-	57,000	-	-	-	57,000	
	<i>Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau</i>	-	-	57,000	-	-	-	57,000	
2	Cho vay	17	749,011	62,966	131,200	119,660	11,773	170,853	
<i>a</i>	<i>Lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường</i>	15	203,841	9,088	98,800	87,260	1,282	95,066	
<i>b</i>	<i>Lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội</i>	2	545,170	46,878	32,400	32,400	9,791	69,487	
<i>c</i>	<i>Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp</i>	-	-	7,000	-	-	0,700	6,300	

STT	Nội dung	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Dư nợ đầu năm	Hạn mức cho vay	Giải ngân cho vay	Thu nợ gốc	Dư nợ cuối năm	Ghi chú
III	Năm 2021 (đến 30/6/2021)	-	-	227,853	-	11,500	10,785	228,568	
1	Góp vốn thành lập doanh nghiệp	-	-	57,000	-	-	0,030	56,970	
	<i>Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển nhà Cà Mau</i>	-	-	57,000	-	-	0,030	56,970	
2	Cho vay	-	-	170,853		11,500	10,755	171,598	
a	<i>Lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường (giải ngân các hợp đồng ký năm 2020)</i>	-	-	95,066		11,500	3,381	103,185	
b	<i>Lĩnh vực xã hội hóa hạ tầng xã hội</i>	-	-	69,487	-	-	7,024	62,463	
c	<i>Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp</i>	-	-	6,300	-	-	0,350	5,950	
Cộng (I+II+III)		21	868,150		161,200	161,160	83,098		

PHỤ LỤC 2

Kết quả sử dụng vốn giai đoạn 2019-2021

(Kèm theo Báo cáo số 100/BC-QĐTPT ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Quỹ Đầu tư phát triển)

STT	Năm	Vốn chủ sở hữu				Tổng sử dụng nguồn vốn cho vay và góp vốn thành lập doanh nghiệp			Tỷ lệ sử dụng vốn	
		Vốn điều lệ	các quỹ	vốn bằng tài sản	Tổng	Dư nợ cho vay cuối năm	Góp vốn thành lập doanh nghiệp	Tổng	Vốn điều lệ	Vốn CSH
1	2	3	4	5	6=3+4+5	7	8	9=7+8	10=9/3	11=9/6
1	2019	176,107	34,724	2,983	213,814	62,966	57,000	119,966	68,12%	56,11%
2	2020	200,000	47,480	2,983	250,463	170,853	57,000	227,853	113,93%	90,97%
3	2021	200,000	54,682	2,983	257,665	171,598	56,970	228,568	114,28%	88,71%

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2186 /STP-XDKT&TDTHPL
V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh

Cà Mau, ngày 25 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau.

Theo đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau tại Công văn số 123/QĐTPT ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó, đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết về việc chấp thuận Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết về việc thay đổi mức vốn và cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau.

1. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp nhận thấy đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau không thuộc chức năng của Sở Tư pháp. Do đó, Sở Tư pháp không thực hiện thẩm định theo đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau đối với 02 dự thảo Nghị quyết nêu trên. Về thẩm quyền, trình tự ban hành văn bản đề bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau, Sở Tư pháp đã có ý kiến cụ thể tại Công văn số 1965/STP-XDKT&TDTHPL ngày 22 tháng 9 năm 2021 (gửi kèm Công văn số 1965/STP-XDKT&TDTHPL).

2. Một số ý kiến đóng góp:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết về việc chấp thuận Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025:

Sở Tư pháp thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết này, tuy nhiên:

- Về căn cứ ban hành văn bản: đề nghị bổ sung Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho chặt chẽ. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2021 và áp dụng cho năm tài chính 2021. Do đó, cần lưu ý Nghị quyết được ban hành phải có hiệu lực sau hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của Thông tư này.

- Tại Điều 3: cần bổ sung nội dung quy định về hiệu lực thi hành cho chặt chẽ.

b) Đối với dự thảo Nghị quyết về việc thay đổi mức vốn và cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau:

- Về tên Nghị quyết: có thể hoàn chỉnh theo hướng “Về việc thay đổi mức vốn và thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau” cho rõ nội dung.

- Về căn cứ ban hành văn bản: đề nghị bổ sung Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho chặt chẽ. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2021 và áp dụng cho năm tài chính 2021. Do đó, cần lưu ý Nghị quyết được ban hành phải có hiệu lực sau hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của Thông tư này.

- Tại nội dung “Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cân đối nguồn ngân sách và tình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh hàng năm”. Đề nghị điều chỉnh thành Điều 3, hoàn chỉnh theo hướng:

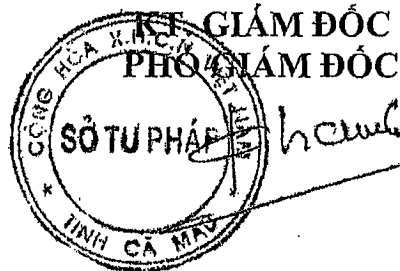
“Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này, xem xét cân đối nguồn ngân sách và tình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh hàng năm”.

- Tại Điều.3 của dự thảo Nghị quyết: điều chỉnh thành Điều 4 (theo thứ tự), đồng thời, bổ sung nội dung quy định về hiệu lực thi hành cho chặt chẽ.

Sở Tư pháp phúc đáp đề Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.



Phạm Quốc Sử

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1965 /STP-XDKT&TDTHPL

Cà Mau, ngày 22 tháng 9 năm 2021

V/v cho ý kiến về thẩm quyền, trình tự
ban hành văn bản để bổ sung vốn điều lệ
cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau.

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tại Công văn số 94/QĐTPT-KT ngày 30/8/2021 về rà soát thẩm quyền, trình tự và tên loại văn bản ban hành, để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư và phát triển. Trên cơ sở kết quả trao đổi, thống nhất với Ban Kinh tế Ngân sách – Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Tài chính, Quỹ Đầu tư phát triển tại cuộc họp vào ngày 17/9/2021, kết quả nghiên cứu các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Để thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 147/2020/ NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ Đầu tư phát triển cần tham mưu UBND tỉnh dự thảo 02 Nghị quyết (hình thức văn bản hành chính) để trình HĐND tỉnh thông qua, gồm:

- Nghị quyết thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển (kèm theo Phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển).

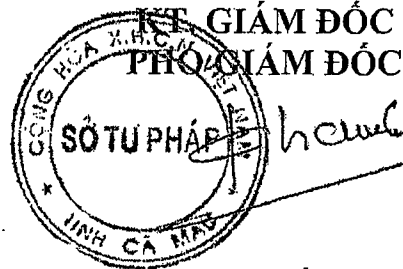
- Nghị quyết ban hành Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển để thay thế Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 về việc chấp thuận danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019-2021.

2. Việc tham mưu lập Phương án cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển, đơn vị cần đánh giá toàn diện kết quả hoạt động của Quỹ từ ngày thành lập đến nay. Đồng thời, rà soát toàn diện danh mục các lĩnh vực đầu tư để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương và có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau trong giai đoạn 2019-2021, để cơ quan có thẩm quyền có đủ cơ sở để xem xét, quyết định.

Sở Tư pháp gửi Quỹ Đầu tư phát triển nghiên cứu thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.



Phạm Quốc Sử

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 02 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc chấp thuận Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng
kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau
giai đoạn 2019 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TÁM (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết chấp thuận Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Tám (bất thường) đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau để Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh lựa chọn đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp và cho vay giai đoạn 2019 - 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Tám (bất thường) thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiện

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**ĐỀ NGHỊ LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI
ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH CÀ MAU ĐỂ QUÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
TỈNH LỰA CHỌN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP, GÓP VỐN THÀNH LẬP
DOANH NGHIỆP VÀ CHO VAY GIAI ĐOẠN 2019 - 2021**

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
I	Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông (bao gồm: Xây dựng mới, duy tu, sửa chữa, nâng cấp).
2	Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió.
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải; đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải; đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
4	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.
II	Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế.
3	Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề.
III	Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
3	Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
IV	Xã hội hoá hạ tầng xã hội
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, kỹ túc xá sinh viên...).

2	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chỉnh trang đô thị, nhà tầng khu dân cư, khu tái định cư, văn hóa, thể dục thể thao, công viên.
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương.
4	Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hoá các khu nghĩa trang.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 716/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng
kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 - 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2019 - 2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Cà Mau để Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh lựa chọn đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp và cho vay giai đoạn 2019 - 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

(Có Danh mục kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Trong từng thời kỳ, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển có trách nhiệm rà soát danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trình cấp thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Cà Mau;
- CVP UBND tỉnh;
- Phòng KT (D₀₄.02);
- Lưu VT, M.A111/4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



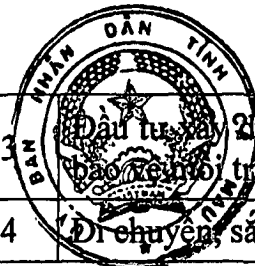
Lâm Văn Bi

**DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI
 ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH CÀ MAU ĐỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
 TỈNH CHỌN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP, GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH
 NGHIỆP VÀ CHO VAY GIAI ĐOẠN 2019 - 2021**



*Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2019
 của Ủy ban nhân dân tỉnh*

STT	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
I	Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông (bao gồm: Xây dựng mới, duy tu, sửa chữa, nâng cấp).
2	Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió.
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải; đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải; đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
4	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng.
II	Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế.
3	Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề.
III	Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi.
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
3	Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
IV	Xã hội hoá hạ tầng xã hội
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, kỹ túc xá sinh viên...).
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chính trang đô thị, hạ tầng khu dân cư, khu tái định cư, văn hóa, thể dục thể thao, công viên.



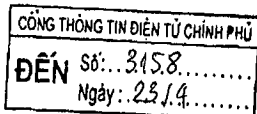
	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương.
4	Đi chuyên, sắp xếp, hiện đại hoá các khu nghĩa trang.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2013



NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi là Nghị định số 138/2007/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP như sau:

1. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành cơ chế chính sách về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Ban hành chế độ kế toán, cơ chế quản lý tài chính, chế độ báo cáo đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chính sách, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay, đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

a) Phê duyệt đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương từ nguồn ngân sách cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Xem xét có ý kiến chấp thuận danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định này;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Xây dựng đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này;

b) Quyết định việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

c) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt;

d) Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

đ) Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

e) Ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định này;

g) Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong từng thời kỳ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này;

h) Quyết định phê duyệt đầu tư đối với một dự án có mức đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

i) Quyết định phê duyệt cho vay với một dự án có mức vốn cho vay trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc thời gian vay quá 15 năm;

k) Quyết định phê duyệt góp vốn đối với một doanh nghiệp có mức góp vốn trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

l) Quyết định số lượng thành viên hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

m) Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

n) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Đối tượng đầu tư trực tiếp

1. Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương quy định tại Khoản 2 Điều này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 9 như sau:

“a) Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyên giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyên giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyên giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Đối tượng cho vay

1. Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương quy định tại Khoản 2 Điều này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

2. Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng giám đốc, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị định này với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

5. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điểm b Khoản này, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

6. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh, thành phố nơi Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định này;

b) Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động;

c) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh, thành phố chấp thuận.

3. Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng với các điều kiện, điều khoản tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này.

4. Lãi suất cho vay hợp vốn do các Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Hình thức góp vốn

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định này”.

8. Sửa đổi Khoản 2 Điều 23 như sau:

“2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác quản lý hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quỹ phát triển nhà ở, quỹ phát triển đất, quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và các quỹ tài chính địa phương khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Việc ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Giới hạn đầu tư

1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

2. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.”

10. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Vốn điều lệ thực có: Là số vốn do chủ sở hữu cấp cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương để hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này;

b) Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển;

c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Thành phần Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Hội đồng quản lý có tối đa 05 (năm) thành viên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, đầu tư vốn, quản trị doanh nghiệp.

4. Thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.”

13. Sửa đổi Khoản 2 Điều 38 như sau:

“2. Ban Kiểm soát có tối đa 03 (ba) thành viên, được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.”

14. Bổ sung khoản 4a Điều 39 như sau:

“4a. Việc tuyển dụng lao động; quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.”

15. Sửa đổi khoản 3 Điều 40 như sau:

“3. Cơ chế tiền lương, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Việc xếp hạng Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo tiêu chuẩn xếp hạng đối với nhóm công ty tài chính”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tối đa trong thời hạn hai (02) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Quỹ đầu tư phát triển địa phương đang hoạt động phải rà soát sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp đã được Quỹ đầu tư phát triển địa phương ký hết hợp đồng cho vay, đầu tư trực tiếp trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết theo giới hạn cho vay, đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Trường hợp sửa đổi, bổ sung hạn mức của hợp đồng cho vay, đầu tư trực tiếp nói trên, việc sửa đổi, bổ sung phải tuân thủ giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp quy định tại Nghị định này.

3. Đối với các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp sau khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì phải tuân thủ giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này.

4. Các hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư trực tiếp và các hoạt động khác theo chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Công ty đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định này.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). M 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ -
XÃ HỘI QUÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ CHO VAY
(Ban hành kèm theo Nghị định số 37/2013/NĐ-CP
ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ)

STT	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
I	Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng
2	Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường
4	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng
II	Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao
3	Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề
III	Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp
3	Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp
IV	Xã hội hóa hạ tầng xã hội
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên...)
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chính trang đô thị, hạ tầng khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hoá, thể dục thể thao, công viên
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương
4	Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghỉ trang
V	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019);

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 15 đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; chú trọng phát triển kinh tế biển; chủ động và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, hướng đến tăng trưởng xanh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ

đổi ngoại; xây dựng tỉnh Cà Mau phát triển nhanh, bền vững.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

a) Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giai đoạn 2021 - 2025 bình quân tăng 6,5 - 7%/năm;

b) Cơ cấu kinh tế

- Ngư, nông, lâm nghiệp chiếm 28,7%;

- Công nghiệp, xây dựng chiếm 35%;

- Dịch vụ chiếm 32,5%;

- Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,8%.

c) GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 77 triệu đồng (tương đương 3.320 USD).

d) Tổng vốn đầu tư xã hội bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 chiếm từ 30 - 32% GRDP;

đ) Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 06 tỷ USD;

e) Tổng thu ngân sách nhà nước 5 năm đạt 35.800 tỷ đồng;

g) Tổng chi ngân sách nhà nước 5 năm đạt 51.196 tỷ đồng;

h) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm;

i) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 31%;

k) Tỷ lệ lao động khu vực ngư, nông, lâm nghiệp giảm còn 40%;

l) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60% trở lên, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ 27% trở lên;

m) Giải quyết việc làm bình quân giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 40.000 người/năm;

n) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo chuẩn mới) hàng năm giảm 0,5%, đến cuối năm 2025 còn không quá 1%;

o) Số giường bệnh/vạn dân khoảng 33 giường;

p) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,5% trở lên;

q) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 97,5%;

r) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 2,5%;

s) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp (số người tham gia so với số người thuộc diện tham gia) đạt 97,5%;

t) Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 80%, trong đó có 20% đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có từ 02 huyện trở lên đạt chuẩn nông thôn mới;

u) Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 95%;

v) Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý đạt 90%;

x) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%;

y) Tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 27%.

3. Một số nhiệm vụ, định hướng chủ yếu

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; nhiệm vụ, giải pháp trên một số lĩnh vực như sau:

a) Về kinh tế

- Khẩn trương xây dựng và triển khai các Đề án, Chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Đẩy nhanh công tác lập, trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh;

- Tập trung nguồn lực xây dựng tỉnh Cà Mau trở thành địa phương phát triển mạnh về biển gắn với hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản theo hướng bền vững, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khu vực ven biển, cảng biển;

- Phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; khai thác tiềm năng, lợi thế của Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau; tăng cường kết nối, liên kết phát triển du lịch biển đảo với các địa phương ven biển; tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo thực chất, toàn diện;

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng bằng các hình thức phù hợp;

- Phát triển các thành phần kinh tế, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh;

- Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển, liên kết vùng với các đơn vị, địa

phương; giữa trung ương với địa phương; huy động đa dạng các nguồn lực, kết hợp nguồn vốn giữa trung ương, địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các dự án trọng điểm, có tính chất đột phá;

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả hoạt động đối ngoại, xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh hội nhập quốc tế; tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, thành tựu của tỉnh ra ngoài nước;

- Thực hiện cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước phù hợp, hiệu quả; có giải pháp bảo đảm tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng;

- Quan tâm đầu tư các đô thị động lực, đô thị ven biển và các đô thị nhỏ phù hợp với phê duyệt;

- Khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để thúc đẩy tăng trưởng, ứng dụng, phát triển mạnh mẽ kinh tế số;

- Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động có các phương án thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Về văn hóa - xã hội

- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; xây dựng xã hội học tập; huy động tối đa các nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, chất lượng phổ cập giáo dục;

- Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế và gắn với nhu cầu sử dụng của tỉnh và doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hiệu quả của nền kinh tế;

- Đổi mới nội dung, phương thức đầu tư cho phát triển văn hóa theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; thực hiện hiệu quả chính sách đối với người có công, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội; công tác tôn giáo;

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác y tế dự phòng, chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có dịch bệnh xảy ra; từng bước hiện đại hóa cơ sở, vật chất, trang thiết bị y tế;

- Đẩy mạnh phát triển thông tin và truyền thông, đáp ứng nhu cầu của tổ chức và người dân; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền.

c) Về quốc phòng, an ninh, nội chính

- Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tinh; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn;

- Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền; cải cách hành chính, cải cách tư pháp; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác được thành lập theo quy định của pháp luật thực hiện giám sát, tuyên truyền, vận động và cùng với nhân dân giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



Trần Văn Hiện